THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 250/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết chế độ, chính sách đối với Chủ nhiệm hợp tác xã có quy mô toàn xã trong thời kỳ bao cấp chưa được hưởng chế độ của Nhà nước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Những người có thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có quy mô toàn xã (sau đây gọi tắt là Chủ nhiệm hợp tác xã) từ ngày 01 tháng 7 năm 1997 trở về trước đã từ trần trong thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã hoặc sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã chưa được giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội đối với thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã, trực tiếp làm ít nhất một trong các công việc sau:

1. Giữ chức vụ, chức danh ở xã, phường, thị trấn quy định tại các văn bản sau:

Điểm a Khoản 15 Mục II Thông tư số 13/NV ngày 04 tháng 9 năm 1972 của Bộ Nội vụ hướng dẫn và quy định cụ thể về việc tính thời gian công tác của công nhân, viên chức nhà nước;

Khoản 1 Mục I Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ về bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ xã;

Điều 1 Quyết định số 111/HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường;

Điều 1, Điều 2 Nghị định số 46-CP ngày 23 tháng 6 năm 1993 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ Đảng, chính quyền và kinh phí hoạt động của các đoàn thể nhân dân ở xã, phường, thị trấn;

Điều 1, Điều 2 Nghị định số 50-CP ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

2. Thuộc biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc làm các công việc thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Điều 2. Chế độ, chính sách và nguồn kinh phí bảo đảm

Đối tượng quy định tại Điều 1 Quyết định này được hưởng chế độ, chính sách như sau:

1. Những người từ trần trong thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã hoặc từ trần sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thân nhân của người từ trần được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp mai táng theo quy định là 10 tháng lương tối thiểu chung hiện hành; trường hợp người từ trần không còn thân nhân thì người cúng giỗ được hưởng khoản trợ cấp này.

Nguồn kinh phí bảo đảm chế độ này như sau:

a) Trường hợp từ trần trong thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã hoặc từ trần sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã nhưng không có thời gian làm ít nhất một trong các công việc quy định tại Điều 1 Quyết định này thì do ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm;

b) Trường hợp từ trần sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã nhưng có thời gian làm ít nhất một trong các công việc quy định tại Điều 1 Quyết định này (nếu chưa đóng bảo hiểm xã hội theo quy định thì không phải truy nộp) thì do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm.

2. Đối với những người sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã mà không có thời gian làm ít nhất một trong các công việc quy định tại Điều 1 Quyết định này thì thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã được hưởng trợ cấp một lần do ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm.

Mức trợ cấp một lần được xác định như sau: cứ mỗi năm làm Chủ nhiệm hợp tác xã được trợ cấp bằng 01 tháng lương tối thiểu chung hiện hành. Mức trợ cấp thấp nhất bằng 03 tháng lương tối thiểu chung hiện hành;

Thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã, nếu có số tháng lẻ dưới 03 tháng thì không tính; từ 03 tháng đến 06 tháng tính nửa năm; trên 6 tháng tính một năm. Những người có thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã bị gián đoạn từ 12 tháng trở lên thì thời gian trước gián đoạn không được tính để hưởng chế độ, chính sách quy định tại Quyết định này.

3. Đối với những người sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã mà trực tiếp làm ít nhất một trong các công việc quy định tại Điều 1 Quyết định này (nếu có thời gian không liên tục thì được cộng dồn và nếu chưa đóng bảo hiểm xã hội theo quy định trong thời gian sau khi thôi làm Chủ nhiệm hợp tác xã thì phải truy nộp) thì thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã được tính cộng nối với thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành của pháp luật.

Trường hợp không truy nộp bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản này thì thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã được hưởng trợ cấp một lần do ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm. Mức trợ cấp một lần thực hiện theo cách tính tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Không đặt vấn đề truy nộp bảo hiểm xã hội đối với thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã trước ngày 01 tháng 7 năm 1997.

3. Trường hợp đã nghỉ việc trước ngày Quyết định này có hiệu lực đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần hoặc đang hưởng trợ cấp (hoặc lương hưu) hàng tháng, nhưng thời gian làm Chủ nhiệm hợp tác xã chưa được tính hưởng bảo hiểm xã hội thì Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, xem xét từng trường hợp để hỗ trợ từ nguồn ngân sách của địa phương bảo đảm tương quan giữa các đối tượng. Mức hỗ trợ cao nhất bằng mức trợ cấp một lần theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn:

a) Rà soát, hướng dẫn các đối tượng cung cấp hồ sơ và lập thủ tục giải quyết chế độ, chính sách theo từng trường hợp quy định tại Điều 2 Quyết định này. Thời gian hoàn thành trong quý II năm 2013;

b) Lập hồ sơ chuyển cơ quan Bảo hiểm xã hội đối với những trường hợp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam bảo đảm. Thời gian hoàn thành trong quý III năm 2013;

c) Bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí thực hiện cải cách chính sách tiền lương của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chi trả chế độ, chính sách và hỗ trợ đối với những trường hợp do ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm theo quy định tại Điều 2 và Khoản 3 Điều 3 Quyết định này; tổng hợp danh sách gửi Bộ Tài chính đề nghị hỗ trợ kinh phí (nếu có). Thời gian hoàn thành trong quý III năm 2013;

d) Báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính kết quả thực hiện. Thời gian hoàn thành trong quý IV năm 2013.

5. Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục và nhận bàn giao hồ sơ từ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các trường hợp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam bảo đảm quy định tại Điều 2 Quyết định này;

b) Thực hiện việc chi trả chế độ, chính sách đối với những trường hợp do Quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.

6. Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Văn Ninh